

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/01/2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên Tòa: ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh B ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 480/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 12/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Mỹ Linh, sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Tổ 10, thôn 2B, xã H, huyện Đ, tỉnh B .

2. Bị đơn: Trần Văn C , sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Tổ 10, thôn 2B, xã H, huyện Đ, tỉnh B

Tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/12/2020, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2020, biên bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, nguyên đơn Phạm Thị Mỹ L trình bày: Chị và anh C tự nguyện tìm hiểu được 4 năm thì đi đến kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND Đông Hà vào năm 2004. Sau khi kết hôn thì chị về nhà cha mẹ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau, anh C thường xuyên ăn nhậu, bịa đặt nói xấu với

bạn bè và con của chị là chị quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Hiện nay, anh chị đã ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Khi mâu thuẫn xảy ra thì anh chị tự hòa giải. Khi ly thân thì anh chị thỉnh thoảng có liên lạc với nhau để bàn bạc về việc chung sống lại nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C, chị yêu cầu Tòa án ly hôn.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ bị đơn Trần Văn C trình bày: Quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn thì chị L trình bày hoàn toàn đúng, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì hoàn toàn sai. Theo anh, nguyên nhân mâu thuẫn là do cô L về nhà cha mẹ vợ ở là do anh chị cãi nhau về những việc vặt trong gia đình. Nay chị L khởi kiện ly hôn thì anh không đồng ý.

-Về con chung: anh chị có 02 con chung:

+Trần Văn T, sinh năm: 2004 (hiện đang làm tại TP.HCM)

+Trần Văn K, sinh năm: 2008 (hiện đang ở với chị Linh)

Khi ly hôn thì con chung, anh chị tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận giải quyết

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ, xác định đúng quan hệ pháp luật, lập và gửi các văn bản đúng quy định. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy mà HĐXX, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị và cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử nên cho ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không phải xem xét trong bản án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn có trong hồ sơ và kết quả xác minh của Tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2020 Tòa án xác định đây là vụ án: “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh B theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thị Mỹ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 23/12/2020. Hội đồng xét xử xét thấy rằng nội dung và hình thức của đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và có đủ căn cứ chứng minh vào thời gian này, bị đơn có mặt tại Tổ 10, thôn 2B, xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh B. Anh C biết chị L khởi kiện ly hôn và Tòa án đã kiên trì triệu tập anh để hòa giải nhưng anh cố tình không có mặt theo sự triệu tập của Tòa. Chứng tỏ anh C đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn Trần Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[4]Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Chị Phạm Thị Mỹ L và Trần Văn C có đăng ký kết hôn vào ngày 19/4/2004 tại UBND xã Đông Hà. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ vào quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là anh chị tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, làm cho tình cảm vợ chồng sút mẻ. Thấy rằng, lời khai của chị L là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh C nữa và cương quyết ly hôn. Tòa án cũng đã kiên trì triệu tập anh C nhiều lần nhằm mục đích hòa giải cho vợ chồng anh đoàn tụ nhưng anh C không chấp hành. Thấy rằng anh C không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này nữa nên đã bỏ mặc cho chị L khởi kiện ly hôn. Cho thấy hôn nhân của anh, chị mâu thuẫn thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho anh, chị và các cháu. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tâm là đúng theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[5]Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không phải xem xét trong bản án này.

[6]Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ nghị quyết về án phí và lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì chị L là người khởi kiện ly hôn nên chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

[7] Xét ý kiến của Kiểm Sát Viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự của năm 2015; Áp dụng Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Mỹ Linh

1/Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Mỹ L ly hôn anh Trần Văn C .

2/Về án phí DSST: Chị Phạm Thị Mỹ L phải chịu 300.000đồng án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0004075 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị L đã nộp đủ án phí DSST.

3/ Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Thi hành án DS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Hà.
- Lưu hồ sơ, quyết định./.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Xuân Thuận

